TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:437/2017/HNGĐ–ST
Ngày 13- 9 - 2017
V/v tranh chấp không công nhận vợ chồng giữa bà D với ông H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ– TỈNH BẾN TRE.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Văn Phúc
2. Ông Lê Văn Mứt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2017/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2446/2017/QĐST– HNGĐ ngày 01/9/2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1977. Địa chỉ cư trú: 308/1 ấp TQA, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm: 1970. Địa chỉ cư trú: 308/1 ấp TQA, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ông Lê Văn H có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án bà Nguyễn Thị D trình bày:

Vào năm 1999, bà và ông Lê Văn H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian chung sống ông, bà có ba con chung tên Lê Chí T, sinh ngày 01/7/1999 và Lê Thị Huỳnh N, sinh ngày 05/5/2002, Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày

31/10/2003, hiện cháu Huỳnh N và cháu Cẩm T đang sống chung với bà. Thời gian đầu, bà và ông H chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó hai bên phát sinh mâu thuẫn bà và ông H và không còn sống chung từ năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm giữa bà và ông H không thể hàn gắn được nên bà có các yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông H là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung tên Lê Thị Huỳnh N, sinh ngày 05/5/2002 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 31/10/2003, bà không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi hai con chung. Đối với Lê Chí T, sinh ngày 01/7/1999 nay đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Lê Văn H trình bày:

Ông thừa nhận về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung đúng như lời trình bày của bà D.

Do ông và bà D không hợp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đồng thời ông, bà không sống chung và không còn quan tâm chăm sóc cho nhau từ năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau, do đó ông có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Bà D yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà D là vợ chồng thì ông đồng ý.

Về nuôi con chung: Cháu Lê Chí T đã trưởng thành lập gia đình nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông đồng ý giao hai con chung tên cháu Lê Thị Huỳnh N, sinh ngày 05/5/2002, Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 31/10/2003 cho bà D được trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Ông và bà D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình thự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của bà D và ông H sống chung với nhau như vợ chồng sau ngày 03/01/1987 mà không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân không hợp pháp. Đồng thời bà D, ông H cũng thống nhất người trực tiếp nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung . Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tòan bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận Hội đồng xét xử nhận định;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp không công nhận vợ chồng" được quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Lê Văn H, hiện có sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 308/1 ấp TQA, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre; do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Bà D và ông H tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng sau ngày 03/01/1987 mà không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của bà D và ông H không hợp pháp và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án bà D và ông H thừa nhận hôn nhân của ông, bà không mang lại hạnh phúc nên bà D, ông H yêu cầu Tòa án không công nhận ông, bà là vợ chồng phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Bà D và ông H có ba con chung tên là Lê Chí T, sinh ngày 01/7/1999, Lê Thị Huỳnh N, sinh ngày 05/5/2002, Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 31/10/2003. Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bà D, ông H thống nhất hai con chung tên Lê Thị Huỳnh N, Nguyễn Thị Cẩm T do bà D trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời từ khi ông H và bà D không còn sống chung, hai con chung do bà D trực tiếp nuôi dưỡng, hai con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặc khác hai con chung cũng có nguyện vọng sống chung với bà D. Do đó sự tự nguyện thỏa thuận của bà D, ông H về việc nuôi hai con chung là phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do bà D không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi hai con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với Lê Chí T đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà D và ông H tự thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình: Bà D phải chịu án phí không có giá ngạch.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D. Không công nhận bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn H là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Huỳnh N, sinh ngày 05/5/2002, Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 31/10/2003. Do bà Nguyễn Thị D không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Đối với con chung Lê Chí T đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Ông Lê Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn H có thể thay đổi việc nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn H tự nguyện thỏa thuận không yêu nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú theo biên lai thu số 0010566 ngày 22/5/2017.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
-VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê